TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**
Số: 417/2019/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 26 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân thụ lý số 591/2019/TLST/HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa:

*Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1974

*Bị đơn: Anh **Huỳnh Thành T**, sinh năm 1973

Cùng ngụ: ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Huỳnh Thành T.

2/Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a)Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Huỳnh Thành T thuận tình ly hôn.

Ghi nhận chị D, anh T không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

b)Về con chung: Có 02 con chung là Huỳnh Nguyễn Thị Khánh T1, sinh năm 1997 và Huỳnh Nguyễn Khánh H, sinh ngày 07/5/2004.

Khánh T1 đã trưởng thành không xem xét.

Chị Nguyễn Thị D được nuôi cháu Huỳnh Nguyễn Khánh H, sinh ngày 07/5/2004 (phù hợp nguyện vọng cháu H).

Ghi nhận chị D không có yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Tuy nhiên vì quyền lợi của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau này.

c)Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận nên không xem xét.

d)Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

đ)Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007074 ngày 12/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị D được hoàn trả lại số tiền là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :
-Đương sự;
-VKSND huyện Châu Thành;
-UBND xã F, Giồng Trôm, Bến Tre;
-Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên và đóng dấu)

Dương Bích Việt